

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Kiên Giang
giai đoạn 2012 - 2020.**

Kính gửi: Cục Trẻ em - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Công văn số 2661/LĐTĐ-BHXH-TE ngày 17/7/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 1555/QĐ-TTg. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Đánh giá công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tình hình ban hành văn bản (Bảng 1.1 kèm theo).

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch, văn bản cụ thể hóa và lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 03/01/2013 về việc Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (viết tắt Chương trình 01/CTr-UBND), các Chương trình, kế hoạch về công tác trẻ em giai đoạn 2011 - 2015, 2016 - 2020; 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ, rút kinh nghiệm và đề ra kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo; thường xuyên đôn đốc các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai, thực hiện tốt các chính sách, pháp luật, các chương trình, kế hoạch về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em của tỉnh.

b) Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực thực hiện Chương trình từ kinh phí Trung ương hỗ trợ thực hiện Dự án 2 - Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020; Cục Trẻ em hỗ trợ; ngân sách phân bổ hàng năm của tỉnh; vận động Quỹ Bảo trợ trẻ em và vận động từ các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, kinh phí thực hiện chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, công tác vận động nguồn lực của các huyện, thành phố gặp nhiều khó khăn.

2. Đánh giá việc triển khai, thực hiện các nội dung của Chương trình

a) *Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội để nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi thực hiện các quyền của trẻ em*

Các ngành, các cấp trong tỉnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác trẻ em; tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ chăm sóc trẻ em gắn với cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”, cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; phòng chống xâm hại trẻ em, Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em số 111... trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trực tiếp tại cộng đồng, tuyên truyền pháp luật tại cơ sở, qua các sự kiện truyền thông, các hoạt động tết Nguyên đán, Tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu, Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, diễn đàn, hội thi, sinh hoạt câu lạc bộ, tư vấn tại gia đình, họp nhóm, các ấn phẩm truyền thông...

Kết quả: tham dự Hội nghị trực tuyến của Chính phủ về công tác bảo vệ trẻ em, giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em có 350 đại biểu dự; Hội thảo trực tuyến xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hơn 300 cán bộ, giáo viên dự. Tổ chức Hội thảo “Phòng, chống bạo lực học đường” cấp tỉnh, hơn 200 đại biểu tham gia; 08 Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em và 09 Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh với trên 10.000 lượt người tham dự; 50 đợt truyền thông trợ giúp pháp lý với 4.411 người tham dự; 15 hội thi và 02 cuộc tọa đàm cấp tỉnh và huyện về “Xây dựng gia đình hạnh phúc và bền vững”; 05 hội thi tìm hiểu Luật Trẻ em với 1.415 trẻ em tham gia; thông qua 50.663 cuộc sinh hoạt định kỳ của ban chấp hành, chi, tổ phụ nữ, câu lạc bộ, hội viên nông dân, truyền thông tại cộng đồng của Ủy ban MTTQ các cấp có 1.546.539 lượt người dự. Các chương trình thời sự, chuyên trang, chuyên mục Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Báo Kiên Giang bình quân mỗi năm 150 tin/đơn vị, bài tuyên truyền về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Treo 6.107 băng rôn, 50 pa nô tuyên truyền bảo vệ trẻ em; 195.415 quyển Luật Trẻ em, sổ tay pháp luật, đề cương giới thiệu, tài liệu giáo dục đời sống gia đình, sổ thông tin về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, bản tin vì trẻ em Kiên Giang, bản tin sinh hoạt tổ phụ nữ; 71.509 quyển tạp chí Gia đình và Trẻ em; 80.326 tờ rơi, tờ gấp “Quyền và bổn phận trẻ em”, “Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111”, “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình”, “Bạn và một số quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý”, “Một số quy định về trợ giúp pháp lý cho trẻ em”, “Quy định của pháp luật về các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em”; 450 đĩa DVD phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em cho 450 liên đội; hơn 1.450 tin, bài, ảnh, 192 bài viết, 42 kịch bản câu chuyện truyền thanh, 03 đĩa CD tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh về công tác gia đình.

b) *Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*

- Đưa các chỉ tiêu chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm như chỉ tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn phù

hợp với trẻ em; tỷ lệ huy động học sinh từ 6 đến 14 tuổi đến trường; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; lồng ghép vào các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; huy động, bố trí nguồn lực thực hiện tốt các quyền của trẻ em, mục tiêu vì trẻ em, chính sách dành cho trẻ em; chăm lo, tạo điều kiện để trẻ em phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo, khó khăn. Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của tỉnh có các mục tiêu chung phát triển bền vững đến năm 2030, đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và trao cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái. Chỉ đạo các sở, ngành, các địa phương phối hợp chặt chẽ, đồng bộ theo hệ thống trong việc triển khai thực hiện Luật Trẻ em, các mục tiêu vì trẻ em; các chương trình, kế hoạch, hoạt động mô hình công tác trẻ em như:

+ Phòng chống tai nạn thương tích trẻ em: triển khai mô hình “Ngôi nhà an toàn” 37 xã, phường, thị trấn; 14 mô hình “ký cam kết cho trẻ đội mũ bảo hiểm”; 10 mô hình Đội thanh niên tình nguyện hướng dẫn, đảm bảo an toàn giao thông cho học sinh tại các trường tiểu học, trung học cơ sở gắn lộ giao thông vào giờ tan trường; dạy bơi cho trẻ em; mô hình “Trường học an toàn”; mô hình “Cộng đồng an toàn”; chương trình tặng Mũ bảo hiểm cho học sinh vào lớp 1 và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn hằng năm; phát động bơi an toàn, phòng chống đuối nước, tổ chức 7 lớp cứu hộ, cứu đuối cho 438 học viên và 3 lớp tập huấn hướng dẫn viên chương trình phổ cập bơi cho 202 giáo viên các trường tiểu học, trung học cơ sở, cán bộ văn hóa, đoàn thể cấp xã.

+ Hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS: Tỉnh đã có nhiều nỗ lực phòng, chống các nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng; trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS trong diện quản lý được cung cấp các dịch vụ chăm sóc về y tế, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ dinh dưỡng và phát triển thể chất, chăm sóc thay thế, vui chơi giải trí và các chính sách theo quy định; 100% các trường học tạo cơ hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được đi học theo nhu cầu; triển khai mô hình “Cung cấp, kết nối dịch vụ chăm sóc cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS” tại 12 xã, thị trấn.

+ Chương trình bảo vệ trẻ em và Dự án 2 thuộc Chương trình phát triển hệ thống trợ giúp xã hội: hỗ trợ, can thiệp cho các trường hợp trẻ em bị xâm hại và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Điều 52 Luật Trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em; phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; triển khai nhiều mô hình phòng ngừa, trợ giúp các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng; duy trì, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em. Trang bị kỹ năng sống, phòng, chống bắt cóc, xâm hại, bạo lực được 54 lớp cho 15.540 học sinh; 896 cuộc đối thoại với học sinh về phòng chống tội phạm trong thanh thiếu niên, tội phạm xâm hại tình dục cho 52.586 lượt em tham gia; 01 lớp nâng cao năng lực thực hiện quyền trẻ em cho 120 chỉ huy đội, thiếu nhi nòng cốt; 15/15 huyện, thành phố tổ chức ít nhất 01 lớp cấp huyện cho 1.200 em; đưa chuyên đề “Phòng ngừa, ngăn chặn xâm hại tình dục trẻ em” vào giờ ngoại khóa từng khối, lớp có

20.237 hoạt động thu hút 621.525 lượt đội viên, thiếu nhi tham gia; 100% liên đội thường xuyên tuyên truyền phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em trong lễ chào cờ đầu tuần trên 2 triệu lượt đội viên, thiếu nhi tham gia.

+ Phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em: nâng cao nhận thức, năng lực và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan, người sử dụng lao động, cộng đồng, cha mẹ và trẻ em về lao động trẻ em; triển khai thí điểm mô hình “Hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em” tại 04 xã, phường. Thời gian qua chưa phát hiện trường hợp trẻ em tham gia lao động trái với quy định của pháp luật.

+ Thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các quyền của trẻ em: 09 Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh, 02 đợt đưa 08 em dự Diễn đàn quốc gia tại Hà Nội; 05 lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng phát huy quyền tham gia của trẻ em cho 360 lượt em tham gia mô hình câu lạc bộ quyền trẻ em; 100% đơn vị, trường học tổ chức diễn đàn để trẻ em nói lên ý kiến, nguyện vọng của trẻ, qua đó các cơ quan, tổ chức lấy ý kiến của trẻ em về những vấn đề có liên quan đến trẻ em. Qua đó tạo điều kiện cho các em gặp gỡ Đại biểu Quốc hội, đại biểu lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện để nói lên ý kiến, nguyện vọng của trẻ em; ý kiến của các em đã được các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể giải đáp trực tiếp, nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện.

+ Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: 15/15 huyện, thành phố và 145/145 xã, phường, thị trấn thành lập Hội đồng đánh giá cấp huyện, xã. Giai đoạn 2011 - 2015 có 8 xã duy trì 5 năm liên tục được UBND tỉnh tặng bằng khen, nhiều xã duy trì 3-4 năm liên tục; ước cuối năm 2020 có 116/145 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phù hợp với trẻ em, tỷ lệ 80% (tăng 37 xã so với năm 2012).

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng (trong đó có trẻ em) theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng được ngân sách đóng và hỗ trợ đóng, người cận nghèo, người dân sống tại các xã đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã khó khăn; người dân trên xã đảo; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên; thực hiện hỗ trợ phẫu thuật tim bẩm sinh cho trẻ em; phẫu thuật chỉnh hình và phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật. Hằng năm tổ chức Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì trẻ em, Tết Trung thu rộng khắp toàn tỉnh, trợ giúp 980.816 lượt trẻ, trị giá 68.703 tỷ đồng; hoạt động vui chơi, giải trí được tổ chức rộng khắp trong trường học, địa bàn dân cư thu hút 2.753.765 lượt em tham gia; từ năm 2012 - 2016 có 400 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tham dự trại hè “Ước mơ hồng” liên tỉnh.

+ Quan tâm đầu tư trường, lớp học, thiết bị; công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp và an toàn; nuôi dưỡng và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non. Thực hiện chính sách cho học sinh dân tộc học ở trường dân tộc nội trú trong tỉnh; hỗ trợ chi

phí học tập, miễn giảm học phí; chính sách đối với trẻ em dân tộc ít người, trẻ em khuyết tật; chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3, 4, 5 tuổi. Chăm lo học sinh có hoàn cảnh khó khăn thông qua phong trào “03 đủ” đủ ăn, đủ mặc, đủ điều kiện học tập; học bổng “Tiếp sức đến trường”; “Thắp sáng ước mơ”, kết quả trên 1.720 học sinh được nhận học bổng với số tiền trên 3,44 tỷ đồng.

+ Đăng ký khai sinh cho trẻ, số trẻ em đăng ký khai sinh đúng hạn 164.168 trường hợp, số trẻ em dưới 06 tuổi đăng ký khai sinh quá hạn 141.037 trường hợp. Cấp xã đã giải quyết 484 trường hợp đăng ký nuôi con nuôi và cấp tỉnh giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài cho 60 trường hợp, không có trường hợp nào bị thu hồi, hủy bỏ; trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em trong quá trình tố tụng được 3.722 trẻ em.

+ Hệ thống Nhà Thiếu nhi, Trung tâm Hoạt động thanh thiếu niên; các thiết chế văn hóa và thể thao từ tỉnh đến cơ sở: có Sân vận động tỉnh; Công viên Văn hóa An Hòa; Rạp chiếu bóng Thắng Lợi; Thư viện tỉnh; Trung tâm Văn hóa tỉnh; Bảo tàng tỉnh; Hồ bơi An Hòa; Nhà Thi đấu đa năng tỉnh; 13/15 huyện, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 86/145 xã được đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao tương đối hoàn chỉnh; 01 Thư viện tỉnh, 13/15 Thư viện huyện, thành phố; 100 phòng, điểm đọc sách xã, ấp, tủ sách gia đình và một vài điểm chùa Khmer; 02 Bảo tàng, gần 200 tổ, đội, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, đơn ca tài tử; 02 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp; 544 cơ sở tập luyện thể thao... đã và đang phát huy khá tốt, đáp ứng nhu cầu tham gia sử dụng, hưởng thụ của cộng đồng và trẻ em ngày càng tăng. Có nhiều khu, điểm du lịch, vui chơi giải trí dành cho trẻ em được đầu tư và đang hoạt động tốt, phát huy tối đa công suất sử dụng, phục vụ khá tốt nhu cầu vui chơi giải trí, rèn luyện sức khỏe cho trẻ em. Phần lớn trẻ em của tỉnh đều tham gia vui chơi, giải trí, văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao rộng khắp trong trường học, địa bàn dân cư, hoạt động Đội, Đại hội Cháu ngoan Bác Hồ, Học kỳ Quân đội, Trại hè thiếu niên, Tuần lễ văn hóa thiếu nhi, Ngày hội văn hóa thiếu nhi Kiên Giang, Liên hoan Hoa phượng đỏ, Liên hoan Tiếng kèn đội ta, Hội khỏe Phù Đổng,...

+ Gắn kết chặt chẽ công tác trẻ em với phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; xây dựng gia đình “5 không, 3 sạch”, Đề án “Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt”; Câu lạc bộ “Gia đình phát triển bền vững”; thành lập, duy trì sinh hoạt 132 Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, Câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình, 59 nhóm phòng chống bạo lực gia đình, 147 địa chỉ tin cậy cộng đồng với 1.687 thành viên; 297 đường dây nóng.

- Công tác xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em giai đoạn 2012 - 2020 có nhiều tiến bộ; các chính sách dành cho trẻ em, các mục tiêu vì trẻ em được các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân quan tâm, triển khai đồng bộ, có hiệu quả. Các quyền của trẻ em cơ bản được đảm bảo thực hiện tốt như: chăm lo, tạo điều kiện để phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, đặc biệt là trẻ em nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt,... tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em

tham gia vào các vấn đề liên quan đến trẻ em.

c) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em

Hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em từng bước được hoàn thiện; các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Trung ương, của tỉnh bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, hiệu quả, minh bạch, khả thi; phù hợp với các Điều ước quốc tế về quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em, đáp ứng nhu cầu của trẻ em, yêu cầu của công tác trẻ em trong tình hình mới.

d) Sự tham gia các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia tích cực vào bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nhất là quan tâm chăm lo cho trẻ em nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em phối hợp xử lý kịp thời các vụ việc xâm hại trẻ em xảy ra trên địa bàn, cải thiện điều kiện sống, tạo cơ hội để trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh và phát triển toàn diện; Bên cạnh đó, có sự tham gia, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục, quản lý, giám sát, hướng dẫn trẻ em học tập, vui chơi an toàn, lành mạnh, bổ ích, phòng chống xâm hại và phòng chống tai nạn, thương tích đối với trẻ em.

đ) Củng cố hệ thống tổ chức, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm việc với trẻ em ở các cấp, các ngành. Kiện toàn và phát triển mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở. Nâng cao chất lượng công tác theo dõi, giám sát và đánh giá

- Duy trì hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em tỉnh, Đội công tác liên ngành giúp việc cho Ban Chỉ đạo, ban hành Quy chế hoạt động. Cấp huyện, xã: 15/15 huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Ban điều hành công tác trẻ em và thành lập Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; 145/145 xã, phường, thị trấn có Ban bảo vệ trẻ em và Hội đồng đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em hiện nay: cấp tỉnh 05 người; cấp huyện 15 người; cấp xã 145/145 xã, phường, thị trấn có cán bộ Lao động - TB&XH kiêm nhiệm công tác trẻ em và 1.178 người cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em tại ấp, khu phố; có 255 trường thành lập tổ tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường học.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương hằng năm tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên tham gia làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em về bảo vệ trẻ em, can thiệp trợ giúp trẻ em, công tác gia đình, trợ giúp pháp lý... được 436 lớp với 43.437 lượt người dự. Qua đó, cán bộ làm công tác trẻ em và người thực hiện trợ giúp pháp lý, báo cáo viên pháp



luật ở các cấp; đội ngũ thực hiện tốt quy trình can thiệp trợ giúp, bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

3. Đánh giá các giải pháp thực hiện Chương trình

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em

Tiếp thu Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05-11-2012 của Bộ Chính trị (khóa XI), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 28-01-2013 để chỉ đạo thực hiện, đồng thời chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản trên đến tận các chi bộ đảng, đảng viên, các tổ chức trong hệ thống chính trị và trong Nhân dân. Nhận thức đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đã nâng lên, thấy được tầm quan trọng của công chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em là một trong những nội dung trọng tâm trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng địa phương. Các cấp ủy Đảng, các ngành triển khai quán triệt và thực hiện khá tốt các nhiệm vụ đề ra, qua đó công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đạt được nhiều kết quả quan trọng; Ban Chỉ đạo các cấp thường xuyên kiện toàn khi có sự thay đổi về nhân sự, duy trì hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra; các thành viên có trách nhiệm, quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu vì trẻ em.

b) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em

Thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em đã tạo chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, tổ chức, nhà trường, gia đình và trẻ em trong bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, thực hiện quyền trẻ em; đảm bảo an toàn cho trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, nâng cao kỹ năng tự bảo vệ trẻ em trước những nguy cơ bị xâm hại, bạo lực; phòng tránh tai nạn thương tích, phát huy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.

c) Xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Vận động các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, để trẻ em được phát triển trong điều kiện tốt nhất. Những năm qua, cấp ủy Đảng, chính quyền đã huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư các điểm vui chơi cho trẻ em; phối hợp với các trường học nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, xây dựng mô hình "Trường học thân thiện, học sinh tích cực"; tổ chức các hình thức vui chơi, giải trí, văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao và hoạt động xã hội phù hợp với trẻ em ở từng lứa tuổi. Hàng năm, vào các dịp lễ, tết, trung thu, Quốc tế Thiếu nhi 1/6, khai giảng, tổng kết năm học đều vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh, tặng quà, trợ giúp trực tiếp mỗi năm trên 4.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

d) Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: Không có.

4. Đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu đầu kỳ

a) Đánh giá tác động của việc thực hiện các giải pháp của Chương trình

Sự nỗ lực, quyết tâm của các ngành, các cấp và địa phương, công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em có nhiều tiến bộ, các quyền cơ bản của trẻ em đảm bảo thực hiện góp phần nâng cao tỷ lệ trẻ em được thụ hưởng các chương trình giảm nghèo, quan tâm chăm sóc sức khỏe, giáo dục, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống; xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh. Từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em và trẻ em giữa các vùng nông thôn, thành thị để trẻ em phát triển toàn diện.

b) Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu/mục tiêu đã đề ra tại Chương trình 01/CTr-UBND (Phụ lục 2 kèm theo)

* Các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống 21,8% vào năm 2015 (so với chỉ tiêu đề ra là 25%) và ước năm 2020 xuống còn 20,4 (so với chỉ tiêu đề ra là 23%), **đạt**.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 13,6% vào năm 2015 (chỉ tiêu đề ra là 14%) và ước năm 2020 xuống còn 12,4% (so với chỉ tiêu đề ra 12,5%), **đạt**.

- Duy trì 100% trạm y tế xã có nữ hộ sinh/ y sĩ sản nhi đến năm 2020, **đạt**.

* Các chỉ tiêu về giáo dục trẻ em:

- Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015: đã đạt vào năm tháng 12/2016 và duy trì đến 12/2019 với tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 99,27%; huy động trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 98,73%, **đạt**.

- Trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non hiện tại đạt 7,3% (chỉ tiêu đưa ra là 25% đến năm 2020); trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non hiện tại đạt 64% (chỉ tiêu đưa ra là 80% đến năm 2020), **chưa đạt**.

- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học hiện tại đạt 95,7% (so với chỉ tiêu là 99% đến năm 2020 và ở bậc trung học cơ sở hiện tại đạt 86,50% (so với chỉ tiêu là 95% đến năm 2020), **chưa đạt**.

* Các chỉ tiêu về bảo vệ trẻ em:

- Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn xuống 1,22% tổng số trẻ em (vượt, chỉ tiêu đề ra giảm còn 4,5%) vào năm 2015 và ước đến năm 2020 giảm còn 1,14% trên tổng số trẻ em (vượt chỉ tiêu đề ra giảm xuống còn 3,5%). Giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại, **đạt**.

- Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển là 90% vào năm 2015 (chỉ tiêu là 85%) và năm 2019 là 92,45% (chỉ tiêu là trên 89%), **đạt**.

- Phát hiện can thiệp, trợ giúp kịp thời trẻ em khuyết tật, hạn chế tối đa số



trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, **đạt**.

- Tỷ suất trẻ bị tai nạn thương tích năm 2015 giảm 96/100.000 trẻ, ước cuối năm 2020 giảm còn 86/100.000 trẻ em, **chưa đạt**.

- Tăng tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 80% vào năm 2015 (vượt chỉ tiêu, chỉ tiêu đề ra là 70%) và ước năm 2020 đạt 80%, **đạt**.

** Chỉ tiêu về vui chơi, giải trí dành cho trẻ em:*

Đến cuối năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 174/145 xã, phường, thị trấn có điểm vui chơi giải trí dành cho trẻ em, chiếm 120% (chỉ tiêu đề ra tăng số xã, phường, thị trấn có điểm vui chơi đạt tiêu chuẩn dành cho trẻ em lên 20% vào năm 2015 và lên 30% vào năm 2020. Phần đầu vận động xã hội hóa để thực hiện đạt chỉ tiêu.)

** Chỉ tiêu về quyền tham gia của trẻ em:*

Tăng tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp lên 18/100.000 vào năm 2015 (chỉ tiêu là 40/100.000) và lên 195/100.000 vào năm 2020 (chỉ tiêu là 50/100.000), **đạt**.

5. Những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện

- Công tác triển khai phòng chống suy dinh dưỡng ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện kinh tế, địa lý, văn hóa, kiến thức thực hành dinh dưỡng của đồng bào dân tộc còn nhiều hạn chế.

- Quy mô phát triển giáo dục mầm non chưa đều giữa các huyện, các vùng nông thôn, thành thị, biên giới, hải đảo; chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở vùng nông thôn, vùng khó khăn còn thấp; một số xã còn thiếu giáo viên; cơ sở vật chất, trường lớp không đáp ứng để huy động tối đa trẻ ở các độ tuổi ra lớp, hiện tại mới chỉ ưu tiên cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi để đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Một số cơ sở giáo dục mầm non thiếu phòng chức năng, bếp ăn, nhà bảo vệ và nhiều phòng học cũ, xuống cấp chưa được đầu tư xây dựng kịp thời.

- Thiết chế văn hóa, thể thao, các điểm vui chơi, giải trí, hồ bơi dành cho trẻ em còn thiếu nhiều, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Nguồn ngân sách đầu tư cho hoạt động này còn hạn chế, công tác xã hội hóa hoạt động vui chơi giải trí ở các xã, phường, thị trấn hiệu quả chưa cao.

- Cán bộ phụ trách công tác trẻ em cấp huyện, cấp xã thường xuyên thay đổi, kiêm nhiệm nhiều việc nên từ đó làm ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu, đề xuất, báo cáo đánh giá và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Chính sách, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn, cộng tác viên ở cơ sở còn thấp; cộng tác viên ở ấp, khu phố chủ yếu là cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình kiêm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Sự nhận thức chưa đầy đủ về trách nhiệm của một bộ phận gia đình và xã hội với công tác bảo vệ trẻ em; chưa quan tâm đúng mức; thiếu sự phối hợp trong quản lý, giáo dục, giúp đỡ trẻ em và thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em. Một số gia đình chú trọng làm kinh doanh, làm ăn kinh tế, ít dành thời gian quan tâm đến con cái, quản lý, giáo dục trẻ em, hoặc tạo ra sự mất an toàn cho trẻ em



ngay trong chính gia đình của mình.

- Một số nơi trong tình đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn còn nhiều. Tình hình dịch bệnh; biến đổi khí hậu, lũ lụt; một số nơi vùng nông thôn, vùng sâu bị ảnh hưởng bởi môi trường, vệ sinh thấp kém làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của trẻ. Tình trạng trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật; xâm hại, bạo lực trẻ em, tai nạn thương tích, đuối nước ở trẻ em vẫn còn xảy ra ở nhiều địa phương trong tỉnh. Nhiều em chưa được trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để phòng tránh bị xâm hại trong môi trường gia đình, trường học và cộng đồng.

- Các mô hình, hoạt động phát huy quyền tham gia của trẻ em, thăm dò ý kiến trẻ em; Hội đồng trẻ em; các chương trình hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện chưa được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả.

6. Kinh nghiệm rút ra trong việc triển khai thực hiện

- Các chỉ tiêu chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em được đưa vào nghị quyết đại hội Đảng các cấp, các ngành, gắn vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm như: xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, tỷ lệ huy động học sinh từ 6 đến 14 tuổi đến trường, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng,... Điều này góp phần quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương.

- Có sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong chỉ đạo thực hiện các giải pháp thực hiện Kế hoạch triển khai các chính sách, pháp luật, đồng thời phân công, quy định trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan từ cấp tỉnh đến cơ sở về bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Lồng ghép vào các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; huy động, bố trí nguồn lực thực hiện tốt các quyền của trẻ em, mục tiêu vì trẻ em, chính sách dành cho trẻ em; chăm lo, tạo điều kiện để trẻ em phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo, khó khăn.

- Tăng cường truyền thông vận động xã hội; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quyền trẻ em, xâm hại, bạo lực đối với trẻ em. Nhân rộng phát huy hiệu quả của các mô hình nhằm phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng.

7. Các giải pháp cho giai đoạn 2021 - 2030

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của các cấp chính quyền, sự phối hợp giữa các ngành, đơn vị, địa phương trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em. Tiếp tục quan tâm đầu tư nguồn lực để thực hiện tốt các mục tiêu vì trẻ em.

- Xây dựng chương trình thực hiện giai đoạn tiếp theo, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành về công tác trẻ em cho giai đoạn tới. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới. Tập trung thực hiện đạt các chỉ tiêu trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non. Thực hiện

tốt các chính sách dành cho trẻ em theo quy định. Kịp thời can thiệp trợ giúp trẻ em bị ngược đãi, xâm hại, bạo lực và nhóm trẻ em có nguy cơ cao bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội để nâng cao nhận thức và chuyên đổi hành vi; tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội tham gia thực hiện quyền trẻ em như: Tháng hành động vì trẻ em, Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường, Ngày vi chất dinh dưỡng trẻ em, Diễn đàn trẻ em; các sự kiện văn hóa, thể thao. Hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em và thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em. Giáo dục, tư vấn, tham vấn kỹ năng làm cha mẹ và kỹ năng sống cho trẻ em.

- Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông cho trẻ em. Xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tăng cường vận động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân vào Quỹ Bảo trợ trẻ em để góp phần cùng nhà nước thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Thường xuyên kiện toàn, nâng cao năng lực cán bộ làm việc với trẻ em ở các cấp, các ngành, cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở. Tổ chức kiểm tra liên ngành về thực hiện các quyền của trẻ em, kiểm tra theo chuyên đề; giám sát, đánh giá kết quả công tác trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em. Thông tin, báo cáo thường xuyên theo định kỳ về công tác trẻ em.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2012 - 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Lao động - TB và XH;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; (Đảng, CQ, ĐT và DN);
- Thành viên BCĐ thực hiện công tác BV, CS trẻ em tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục số 01

Số liệu thống kê các hoạt động của Chương trình 1555

(Kèm theo Báo cáo số: 374 /BC-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Bảng 1.1. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Chương trình 1555 giai đoạn 2012 - 2020

Tên văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	Ngày ban hành
Kế hoạch số 73-KH/TU, về thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW của Bộ Chính trị	BTV Tỉnh ủy	28-01-2013
Công văn số 100-CV/TU, về tổ chức triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2016	Tỉnh ủy	25-4-2016
Công văn số 871-CV/TU, về thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em	Tỉnh ủy	14-5-2019
Nghị quyết số 154/2015/NQ-HĐND, về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh KG	HĐND tỉnh	09/12/2015
Nghị quyết số 234/2019/NQ-HĐND, về việc hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh KG	HĐND tỉnh	26/7/2019
Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND, ban hành Quy định về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và BVCS trẻ em giai đoạn 2016 - 2020	UBND tỉnh	12/4/2016
Kế hoạch số 20/KH-UBND, thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh KG	UBND tỉnh	06/3/2013
Chương trình số 01/CTr-UBND, hành động vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	03/01/2013
Kế hoạch số 25/KH-UBND, thực hiện Quyết định số 55a/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ phẫu thuật tìm cho trẻ em bị tìm bẩm sinh	UBND tỉnh	03/4/2014
Kế hoạch số 109/KH-UBND, thực hiện Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	UBND tỉnh	21/11/2014
Kế hoạch số 69/KH-UBND, hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	17/7/2014
Kế hoạch số 41/KH-UBND, thực hiện Chương trình phòng, chống TNTT trẻ em giai đoạn 2014 - 2015 trên địa bàn	UBND tỉnh	24/4/2014



tỉnh Kiên Giang		
Kế hoạch số 129/KH-UBND, thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 - 2020”	UBND tỉnh	24/12/2015
Quyết định số 1904/QĐ-UBND, về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	04/9/2015
Kế hoạch số 110/KH-UBND, thực hiện Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	24/11/2015
Quyết định số 289/QĐ-UBND, về việc giao Trung tâm BTXH thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý và giáo dục người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn	UBND tỉnh	29/01/2016
Kế hoạch số 18/KH-UBND, tổ chức sơ kết đánh giá giai đoạn I (2012 - 2015) Chương trình HĐVTE và tổng kết Chương trình BVTE giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	16/02/2016
Công văn số 360/UBND-VHXXH, về việc triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2016	UBND tỉnh	25/3/2016
Chương trình số 180/CTr-UBND, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	29/4/2016
Kế hoạch số 61/KH-UBND, triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2016	UBND tỉnh	12/5/2016
Công văn số 641/UBND-VHXXH, về tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác phòng, chống tai nạn đuối nước trẻ em	UBND tỉnh	25/5/2016
Chương trình số 252/CTr-UBND, bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	27/6/2016
Quyết định số 1829/QĐ-UBND, ban hành Quy định mức trợ cấp, trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	16/8/2016
Công văn số 1029/UBND-VHXXH, tổ chức tết Trung thu cho trẻ em năm 2016	UBND tỉnh	24/8/2016
Kế hoạch số 105/KH-UBND, thực hiện Chương trình phòng, ngừa giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	08/9/2016
Báo cáo số 210/BC-UBND, sơ kết 3 năm thực hiện Quyết định số 570/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	14/9/2016
Công văn số 415/UBND-VHXXH, về việc triển khai thực hiện công tác trẻ em năm 2017	UBND tỉnh	21/3/2017
Kế hoạch số 57/KH-UBND, thực hiện Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	26/4/2017
Kế hoạch số 59/KH-UBND, triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2017 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	28/4/2017
Kế hoạch số 61/KH-UBND, tổ chức Diễn đàn trẻ em tỉnh Kiên Giang năm 2017	UBND tỉnh	04/5/2017

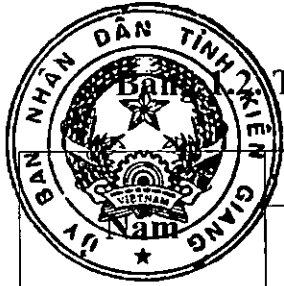
Công văn số 726/UBND-VHXH, về việc tăng cường công tác bảo vệ trẻ em; phòng, chống xâm hại, bạo lực và tai nạn đuối nước trẻ em	UBND tỉnh	16/5/2017
Kế hoạch số 161/KH-UBND, thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	14/11/2017
Quyết định số 198/QĐ-UBND, về việc tổ chức lại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	23/01/2018
Công văn số 506/UBND-VHXH, về việc triển khai thực hiện công tác trẻ năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	19/4/2018
Quyết định số 1314/QĐ-UBND, ban hành Quy trình và mức kinh phí hỗ trợ tập trung người già cô đơn; người cơ nhỡ; trẻ em; người tâm thần, người khuyết tật sống lang thang, ăn xin; người bệnh, người tâm thần bị bỏ rơi tại các bệnh viện đã được điều trị tạm ổn định	UBND tỉnh	05/6/2018
Quyết định số 2312/QĐ-UBND, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2011 - 2020	UBND tỉnh	18/10/2018
Quyết định số 2313/QĐ-UBND, kiện toàn Đội công tác liên ngành bảo vệ trẻ em tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	18/10/2018
Báo cáo số 297/BC-UBND, về công tác cấp thẻ BHYT và thực hiện khám, chữa bệnh bằng thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	23/10/2018
Báo cáo số 305/BC-UBND, về tình hình thực hiện Quyết định số 55a/2013/QĐ-TTg ngày 04/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh từ 2013 - 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	30/10/2018
Công văn số 399/UBND-VHXH, về tăng cường các biện pháp phòng, chống tai nạn đuối nước trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	04/4/2019
Kế hoạch số 63/KH-UBND, thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học” giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	12/4/2019
Công văn số 505/UBND-VHXH, triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	UBND tỉnh	02/5/2019
Kế hoạch số 70/KH-UBND, thực hiện Đề án Hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	03/5/2019
Kế hoạch số 71/KH-UBND, thực hiện Đề án Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	03/5/2019
Kế hoạch số 80/KH-UBND, triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2019	UBND tỉnh	21/5/2019
Công văn số 1083/VHXH-UBND, về triển khai thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại hội nghị trực tuyến toàn quốc về bảo vệ trẻ em	UBND tỉnh	20/8/2019



Công văn số 974/UBND-VHXX, góp ý Thông tư hướng dẫn diễn đàn trẻ em và Thông tư hướng dẫn tháng hành động trẻ em	UBND tỉnh	13/9/2019
Công văn số 1198/UBND-VHXX, về tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	UBND tỉnh	13/9/2019
Công văn số 1586/UBND-VHXX, góp ý dự thảo Tờ trình và Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em giai đoạn 2020 - 2025	UBND tỉnh	20/11/2019
02 báo cáo giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2019 phục vụ Đoàn giám sát Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Kiên Giang và Đoàn Giám sát Quốc hội	UBND tỉnh	
Báo cáo số 355/BC-UBND, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến tình hình xâm hại trẻ em và xử lý vi phạm hành chính về xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2019	UBND tỉnh	08/11/2019
Công văn số 145/UBND-VHXX, về thực hiện các kiến nghị của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh giám sát “việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em”	UBND tỉnh	10/02/2020
Kế hoạch số 37/KH-UBND, triển khai thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 - 2025	UBND tỉnh	06/3/2020
Công văn số 289/UBND-VHXX, về tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng, chống xâm hại, bạo lực trẻ em	UBND tỉnh	06/3/2020
Báo cáo số 68/BC-UBND, tình hình thực hiện Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 22/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2014 - 2020	UBND tỉnh	20/3/2020
Quyết định số 850/QĐ-UBND, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2011 - 2020	UBND tỉnh	06/4/2020
Kế hoạch số 70/KH-UBND, hành động phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025	UBND tỉnh	17/4/2020
Kế hoạch số 82/KH-UBND, triển khai Tháng hành động vì trẻ em tỉnh Kiên Giang năm 2020	UBND tỉnh	28/5/2020
Báo cáo số 179/BC-UBND, kết quả thực hiện Quyết định số 234/QĐ-TTg, ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016 - 2020	UBND tỉnh	09/6/2020
Báo cáo số 227/BC-UBND, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 1023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh	03/7/2020
Công văn số 922/UBND-KGVX, về tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	UBND tỉnh	15/7/2020
Báo cáo số 272/BC-UBND, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 2361/QĐ-TTg và Dự án 2 thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh KG	UBND tỉnh	31/7/2020
Quyết định số 1801/QĐ-UBND, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2011 - 2020	UBND tỉnh	04/8/2020

Báo cáo số 336/BC-UBND, kết quả thực hiện quyền trẻ em, thực hiện nhiệm vụ liên quan đến trẻ em từ tháng 6/2019 đến ngày 31/7/2020.	UBND tỉnh	08/9/2020
---	-----------	-----------

KIÊN GIANG



Truyền thông, vận động xã hội về quyền trẻ em giai đoạn 2012 - 2020

Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội thực hiện quyền của trẻ em		
	Số lượng chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội được tổ chức trong năm	Ước tính tổng số đối tượng được truyền thông, vận động (người)
2012	5	93.656
2013	5	96.464
2014	5	42.779
2015	5	51.448
2016	5	8.700
2017	5	11.306
2018	5	10.123
2019	5	9.378
2020	4	8.900

Bảng 1.3. Các chương trình, kế hoạch BVCS và giáo dục trẻ em được xây dựng và triển khai giai đoạn 2012 - 2020

Tên chương trình, kế hoạch (1)	Giai đoạn	
	2012 - 2015	2016 - 2020
Chương trình số 01/CTr-UBND, ngày 03/01/2013 của UBND tỉnh, hành động vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	x	x
Chương trình số 258/CTr-UBND, ngày 27/6/2011 của UBND tỉnh, bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	x	
Chương trình số 252/CTr-UBND, ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh, bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang		x
Kế hoạch số 41/KH-UBND, ngày 24/4/2104 của UBND tỉnh, thực hiện Chương trình phòng, chống TNTT trẻ em giai đoạn 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	x	
Chương trình số 180/CTr-UBND, ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang		x
Kế hoạch số 69/KH-UBND, ngày 17/7/2014 của UBND tỉnh, hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	x	x
Kế hoạch số 161/KH-UBND, ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh, thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kiên Giang		x
Kế hoạch số 25/KH-UBND, ngày 03/4/2014 của UBND tỉnh, thực hiện Quyết định số 55a/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị tim bẩm sinh	x	x
Kế hoạch số 105/KH-UBND, ngày 08/9/2016 của UBND tỉnh, thực hiện Chương trình phòng, ngừa giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang		x
Kế hoạch số 110/KH-UBND, ngày 24/11/2015 của UBND tỉnh, thực hiện Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang		x
Kế hoạch số 129/KH-UBND, ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh, thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, giai đoạn 2015 - 2020”		x
Kế hoạch số 57/KH-UBND, ngày 16/4/2017 của UBND tỉnh, thực hiện Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang		x
Kế hoạch số 37/KH-UBND, ngày 07/3/2020 của UBND tỉnh, triển khai thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 - 2025		x

Bảng 1.4. Tổ chức bộ máy bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp

Cấp quản lý	Số lượng người làm công tác BVCSTE (người)			Mô hình tổ chức (chi cục, phòng)	Mạng lưới liên ngành (Ban bảo vệ, chăm sóc trẻ em)	
	Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Tổng số		Có (số lượng)	Không
Giai đoạn 2012 - 2015						
Tỉnh	07	20 thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh	27	Phòng chuyên môn thuộc Sở LĐTBXH	16 người	
Huyện	0	15	15		15/15 huyện; tổng 221 người	
Xã	0	145	145		145/145 xã, phường, thị trấn; 1.821 người	
Mạng lưới cộng tác viên	0	0	0			
Giai đoạn 2016 - 2020						
Tỉnh	05	20 thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh	25	Phòng chuyên môn thuộc Sở LĐTBXH	16 người	
Huyện	0	15	15		15/15 huyện có; tổng 221 người	
Xã	06	145	145		145/145 xã, phường, thị trấn; 1.821 người	
Mạng lưới cộng tác viên	0	1.178 (cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em)	1.178			



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục số 02

Kết quả thực hiện các mục tiêu/chỉ tiêu Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 371 /BC-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Chỉ tiêu Chương trình 1555	Đơn vị tính	Giai đoạn 2012 - 2020								
		2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020 (ước)
1. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	24,0	22,8	21,9	21,6	21,5	21,4	21,0	20,6	20,4
2. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	15,4	14,3	13,9	13,5	13,3	13,2	13,0	12,6	12,4
3. Tổng số trạm y tế xã	Trạm	145	145	145	145	145	145	145	145	145
4. Số trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi	Trạm	145	145	145	145	145	145	145	145	145
5. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi học giáo dục mầm non	%	72,3	87,6	90,7	96,8	98,1	98,5	99,1	99,1	99,3
6. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non	%	4,0	4,5	4,8	6,2	5,5	6,9	7,0	8,4	7,3
7. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non	%	38,7	59,3	58,3	62,1	55,8	62,0	64,0	65,7	64,0
8. Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học	%	93,12	93,79	93,84	94,44	94,63	95,04	95,47	95,69	95,70



9. Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở	%				71,39	74,28	75,61	73,07	86,42	86,50
10. Tổng số trẻ em	Trẻ em	500.541	506.547	460.513	460.513	460.513	461.729	461.792	462.218	462.700
11. Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em	10.388	9.661	5.699	5.628	5.431	5.493	5.360	5.274	4.770
12. Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc	Trẻ em	77.791	7.245	4.488	5.065	4.964	4.956	4.931	4.876	4.770
13. Số trẻ em bị bạo lực	Trẻ em	0	1	2	0	0	04	05	0	0
14. Số trẻ em bị tai nạn, thương tích	Trẻ em	430	306	212	443	600	888	663	500	400
15. Tổng số xã/phường/thị trấn	xã	145	145	145	145	145	145	145	145	145
16. Số xã, phường có điểm vui chơi dành cho trẻ em đạt tiêu chuẩn	xã	145	145	145	145	145	145	145	145	145
17. Số xã, phường/thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường/thị trấn phù hợp với trẻ em	xã	79	110	116	116	136	145	145	106	116
18. Tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp	%	0,16	0,16	0,18	0,19	0,18	0,17	0,24	0,27	0,20

